

**ĐẶC ĐIỂM HÔN NHÂN TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI
CỦA TÍN ĐỒ ĐẠO TỬ ÂN HIẾU NGHĨA Ở HUYỆN TRI TÔN,
TỈNH AN GIANG**

Tóm tắt: Những sự kiện quan trọng của mỗi người không gì ngoài các vấn đề hôn, quan, tang, tế. Đối với tín đồ Tử Ân Hiếu Nghĩa ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, vào dịp này, họ có những nghi thức gắn liền với tôn giáo, mà thể hiện rõ nhất ở vấn đề hôn nhân và tang ma. Trong tư tưởng của cộng đồng người Việt theo đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa, hôn nhân không chỉ là việc của hai người, hai gia đình mà còn thể hiện ý nghĩa về mặt tôn giáo họ đang theo. Chính sự góp mặt của yếu tố tôn giáo mà hôn nhân của người theo đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa có những nét đặc trưng riêng biệt tồn tại cùng với đặc điểm hôn nhân truyền thống của người Việt. Người ngoại đạo hoàn toàn dễ dàng nhận ra một lễ cưới truyền thống của tín đồ theo đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa bởi sắc đen trong trang phục áo dài của người tham dự, lời tụng niệm chúc phúc hòa cùng tiếng mõ của Cư sĩ hay thức ăn chiêu đãi đặc thù với nguyên liệu là cá và các loại thực vật... Nhưng qua thời gian theo dòng phát triển của xã hội hiện đại, những đặc điểm truyền thống trong hôn nhân của người Việt theo đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa đã không còn mà dần chuyển biến để hòa nhập cùng xu thế chung. Trong bài viết này, chúng tôi nêu ra những đặc điểm trong hôn nhân của tín đồ đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa trước đây và bây giờ để chứng minh cho điều đó.

Từ khóa: Hôn nhân; Tử Ân Hiếu Nghĩa; Tri Tôn; An Giang.

* Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 29/11/2021; Ngày biên tập: 08/6/2022; Duyệt đăng: 12/7/2022.

Dẫn nhập

Tri Tôn là một trong hai huyện biên giới miền núi của tỉnh An Giang. Huyện có dân số 110.553 người, phân bố rải rác ở 13 xã (An Túc, Tân Tuyên, Lương An Trà, Núi Tô, Cô Tô, Châu Lăng, Lương Phi, Lê Trì, Ô Lâm, Vĩnh Gia, Lạc Quới, Tà Đảnh, Vĩnh Phước) và 2 thị trấn (Ba Chúc, Tri Tôn). Dân cư sinh sống ở huyện Tri Tôn cũng là sự cộng cư của các tộc người có mặt ở An Giang, nhưng trong đó, người Việt và người Khmer chiếm đa số. Hai cộng đồng dân tộc này là chủ thể chính hình thành nên những giá trị văn hóa đặc sắc cho Tri Tôn mà thể hiện rõ nét nhất trong đời sống tôn giáo.

Từ khi chọn vùng đất quanh chân núi Tượng khai hoang lập nên bốn thôn (An Định, An Hòa, An Thành, An Lập) nay là địa bàn hai xã Lương Phi, Lê Trì và thị trấn Ba Chúc, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã trở nên ổn định và ngày càng phát triển. Nơi đây được xem là thánh địa của Đạo. Người dân sinh sống trong khu vực phần đông là tín đồ theo đạo, chiếm đến 90%. Theo báo cáo trong Đại hội đại biểu đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa lần thứ II, nhiệm kỳ 2015 – 2020, tín đồ theo đạo sinh sống trên địa bàn huyện Tri Tôn có khoảng 30.000 người, chiếm 38.5% tín đồ cả nước. Nếu người Khmer chủ yếu theo Phật giáo Nam tông thì người Việt ở Tri Tôn có niềm tin sâu sắc vào đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Niềm tin tôn giáo đó được thể hiện trong các nghi lễ tôn giáo và cả trong đời sống sinh hoạt.

Theo giáo luật của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, tín đồ theo đạo là cư sĩ tại gia, tu hành nhưng không xa rời người thân và vẫn được phép lập gia đình. Chính vì vậy, đời sống sinh hoạt của mỗi tín đồ gắn liền với đời sống tôn giáo. Không khó nhận ra yếu tố tôn giáo hiện hữu trong mọi mặt của đời sống tinh thần mỗi tín đồ. Đối với những sự kiện trọng đại của đời người, như: hôn, quan, tang, tế, tín đồ đều gắn chúng với tôn giáo. Họ gìn giữ nét đẹp đó từ đời này sang đời khác. Tuy nhiên, hiện nay với xu thế hội nhập, sự giao lưu tiếp biến là điều hiển nhiên đã và đang diễn ra. Có những yếu tố mặc nhiên phải được thay thế như một quy luật tất yếu và có những yếu tố đang ở ngưỡng của sự biến đổi. Và vấn đề hôn nhân trong cộng đồng tín đồ theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa sinh sống trên địa bàn huyện Tri Tôn cũng không

ngoại lệ. Nhiều yếu tố truyền thống dần mất đi thay vào đó là những cái mới được tiếp nhận. Trong bài viết này, nội dung chúng tôi đề cập chủ yếu là đặc điểm hôn nhân trong cộng đồng người Việt theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của truyền thống và hiện đại, qua đó cho thấy sự biến đổi.

1. Hôn nhân truyền thống trong cộng đồng tín đồ theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

Hôn nhân của người Việt theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Tri Tôn, tỉnh An Giang vẫn giữ được những lễ tiết như hôn nhân truyền thống của người Việt nói chung. Quy trình hôn nhân của một người nam và một người nữ được diễn ra lần lượt với sáu lễ lớn nhỏ, được gọi là “lục lễ”. Về tên gọi và trình tự thực hiện, “lục lễ” của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có sự tương đồng với lục lễ trong hôn nhân truyền thống của người Việt. Nhưng do sự tác động của yếu tố tôn giáo nên về mặt nghi thức thực hiện của mỗi lễ trong lục lễ hầu như đều có sự khác biệt ít nhiều. Có những quy định và cách thức tổ chức chỉ có ở cộng đồng tín đồ theo tôn giáo này mà không bắt gặp ở nơi khác.

Ngay từ buổi đầu của cuộc hôn nhân đã thấy dấu ấn của tôn giáo này qua hình ảnh và vai trò của người mai mối. Để đôi trai gái trở thành vợ chồng và gia đình hai bên kết tình thông gia, phần lớn là nhờ vào người mai mối, trừ những trường hợp đã tìm hiểu nhau trước. Có thời kỳ, vai trò ông mai, bà mai trở nên rất quan trọng và không thể thiếu trong việc cưới gả. Thông thường, người được chọn để thực hiện việc mai mối là người thân trong gia đình nhà trai hoặc người quen biết có uy tín với đời sống gia đình hạnh phúc tròn đầy, biết cách ăn nói. Nhưng đối với người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, người đảm nhận công việc này phải luôn luôn là Trưởng Gánh thuộc gánh mà họ được quản lý về mặt đạo. Đúng theo nghi thức trong đạo, muốn nhờ ông Gánh làm người mai mối, đại diện người nhà phải mang một khay lễ đơn giản với trà rượu sang nhà riêng để trình việc. Chấp nhận sự nhờ cậy của nhà trai, ông Gánh sẽ ra mặt thăm dò và trao đổi với nhà gái về việc cưới hỏi. Nhà gái có đồng thuận hay không, cũng như việc trao đổi về vấn đề hôn nhân có được thuận lợi, sẽ hoàn toàn nhờ qua trung gian là ông Gánh.

Trong hôn nhân, người ta không chỉ quan tâm đến việc trai gái có xứng lứa vừa đôi và hai gia đình có “môn đăng hộ đối” hay không mà còn đặc biệt xem trọng đến việc hợp tuổi tác. Qua sự trao đổi của người mai mối, nhà trai biết được tuổi chính xác của cô gái sẽ tiến hành đi xem tuổi. Việc xem tuổi nhằm mục đích để biết có hợp nhau hay “xung - khắc” không chỉ ở đôi trẻ mà kể cả phía hai nhà. Đồng thời, căn cứ vào tuổi, nhà trai nhờ xem và chọn lựa ngày tháng phù hợp để hôn lễ được diễn ra. Thông thường, họ sẽ tìm đến những thầy tướng số, người có nghiên cứu và hiểu biết về lĩnh vực này. Riêng về đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ông Gánh sẽ là người đảm nhận luôn công việc của thầy tướng số. Căn cứ theo tư liệu ghi chép được truyền lại, ông Gánh sẽ tiến hành xem tuổi của đôi trai gái, đồng thời xem tuổi cho cha mẹ hai bên nhà. Theo chia sẻ của một tín đồ theo đạo sinh sống ở thị trấn Ba Chúc, “xem tuổi là để xác định đôi trẻ có hợp nhau không, sợ bị xung khắc sẽ làm ảnh hưởng đến hạnh phúc sau này”¹. Nếu hợp tuổi, ông Gánh tiếp tục xem và chọn ngày tốt để hôn nhân được cử hành. Trong trường hợp không hợp tuổi, ông Gánh gợi ý cho gia chủ cách hóa giải xung khắc nếu ở mức độ chấp nhận được, nhưng nếu mức độ ảnh hưởng nặng nề sẽ yêu cầu nhà trai nên dừng lại việc cưới hỏi. Tín đồ theo đạo rất quan trọng vấn đề này và đặt niềm tin hoàn toàn vào ông Gánh.

Ngoài việc quan trọng sự phù hợp tuổi tác, người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn tuân thủ theo quy định của đạo về “họ” của đôi tượng kết hôn. Những người cùng họ với nhau, dù trực hệ hay không trực hệ, cũng không được lấy nhau. Lý giải cho vấn đề này, một Cư sĩ của gánh Bửu Minh Đường cho rằng: “Đạo đã trải qua nhiều biến cố, thân bằng phải nhiều lần ly tán nên lo ngại những trường hợp trùng “họ” có thể là người thân của nhau”². Chính vì vậy, dù đôi trai gái đã quen biết nhau trước nhưng nếu cùng họ thì gia đình hai bên cũng không đồng ý việc kết hôn. Còn khi chỉ mới nhờ người mai mối mà biết cùng họ thì việc tiến đến hôn nhân càng không thể thực hiện.

Sau khi đáp ứng đúng các quy định của Đạo về “họ”, cũng như tuổi tác phù hợp đôi bên và hai nhà đã thống nhất mọi trao đổi, các nghi lễ của hôn nhân lần lượt được thực hiện theo ngày đã chọn. Hôn nhân

của người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trải qua sáu lễ lớn nhỏ, gồm: lễ Giáp lời, lễ Đại Đăng khoa (đám nói), lễ Nạp tế, lễ Phụ ngọ, lễ Cưới và lễ Phán bái. Ngoại trừ lễ Phụ ngọ vì không có trong lục lễ của người Việt, thì những lễ còn lại đều mang ý nghĩa và mục đích như trong cưới hỏi truyền thống của người Việt, nhưng cách thể hiện có khác nhau và mang nét riêng của Đạo.

Đầu tiên là lễ Giáp lời. Dù đã được ông Trưởng gánh đóng vai trò người mai mối trao đổi với nhà gái về những vấn đề liên quan đến cưới hỏi theo chủ ý của nhà trai, nhưng trong ngày này, nhà trai vẫn sang nhà gái để đề cập lại. Sính lễ nhà trai mang sang khá đơn giản chỉ là một khay trầu rượu và số tiền hỏi. Nếu không có gì thay đổi, nhà trai sẽ nói rõ với nhà gái giờ ngày đã được ông Gánh chọn để tiến hành lễ Đại Đăng khoa. Đồng thời, nhà trai trao sính lễ cho nhà gái là một số tiền như đã thỏa thuận để nhà gái chuẩn bị tổ chức đám nói vào thời gian sau đó.

Lễ tiếp theo là lễ Đại Đăng khoa (đám nói). Trước khi diễn ra lễ này, ở nhà trai, người con trai sắp lấy vợ mang áo dài đen và khăn đóng, trang phục sẽ mặc trong ngày lễ sắp tới, làm lễ cúng tại bàn thờ. Nghi thức này như thể trình báo trước ông bà tổ tiên về việc hôn sự sắp diễn ra. Đây là một trong những nét riêng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trong vấn đề hôn nhân. Trong ngày lễ Đại Đăng khoa, sính lễ nhà trai mang sang nhà gái là một khay trầu rượu và ba đôi đăng/đèn. Lễ vật khá đơn giản, nhưng không thể thiếu. Điều này thể hiện sự quan trọng của yếu tố lễ. Đoàn nhà trai là sự có mặt của chú rể, ba mẹ, bà con thân thuộc trong dòng họ và những người thân tín của chú rể. Về phía nhà gái, thành phần tham dự cũng tương tự như bên nhà trai. Vào lễ, gia đình nhà gái tiếp nhận sính lễ từ nhà trai rồi tiến hành nghi lễ với việc vái lạy, đặt khay trầu rượu lên bàn thờ Phật, sau đó thắp ba đôi đèn (đăng) lên ba bàn thờ trong nhà. “Ba đôi đăng này là thắp ở ba chỗ trong nhà. Một đôi thắp lên bàn thờ Tây Phương cực lạc, một đôi thắp lên bàn thờ Cửu huyền bên nội và một đôi thắp lên bàn thờ Cửu huyền bên ngoại”³. Theo cách thờ tự tại tư gia của tín đồ, bên cạnh bàn thờ Phật bố trí ở vị trí tôn nghiêm nhất của ngôi nhà thì còn có những bàn thờ khác ở vị trí thấp hơn thờ các đối tượng khác nhau,

trong đó có hai bàn thờ cửa huyền với một cửa huyền bên nội và một cửa huyền bên ngoại. Đây lại là một nét riêng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, khác so với nghi thức truyền thống của người Việt, là chỉ có một đôi đèn được thắp lên bàn thờ Cửa huyền. Việc thắp ba đôi đèn lên ba bàn thờ, theo giải thích của tín đồ, thể hiện lòng kính trọng đến ba đối tượng là trời Phật, ông bà đã mất cả bên vợ và bên chồng. Thắp đèn xong, mọi người tham dự cùng vái lạy trước các bàn thờ trong khi nghi thức truyền thống của người Việt thì không có.

Sau lễ Đại Đăng khoa là lễ Nạp tế. Khoảng từ ba đến bảy ngày, kể từ thời điểm diễn ra lễ Đại Đăng khoa, cũng với sính lễ bắt buộc phải có là khay trầu rượu được nhà trai mang sang nhà gái để làm lễ Nạp tế. Trong ngày này, nhà trai phải thực hiện hai việc chính. Một là thông báo cho nhà gái về ngày, giờ tổ chức lễ cưới đã được nhà trai nhờ ông Gánh chọn sau Lễ nói. Hai là trao tiền cưới cho nhà gái để nhà gái chuẩn bị tổ chức lễ cưới theo thời gian đã định.

Trước khi lễ cưới diễn ra khoảng từ một đến ba ngày, tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn thực hiện một nghi thức mà chỉ tôn giáo này mới có là lễ Phụ ngo. Vào ngày này, đôi bạn sắp kết hôn phải mang một khay lễ với trầu rượu sang nhà mời ông Gánh dự lễ cưới của họ. Đồng thời, họ xin phép mời ông Gánh tham gia cùng có mặt tại Tam Bửu gia để trình lạy trước bàn thờ Thầy Tổ. Được sự đồng ý, một khay trầu rượu khác được chuẩn bị, trong trang phục áo dài đen khăn đóng, đôi trẻ cùng ông Gánh và cha mẹ hai bên đến Tam Bửu gia lạy bàn thờ Thầy Tổ và các bàn thờ khác. Cũng tại Tam Bửu gia, đôi trẻ làm lễ lạy ông Gánh và cha mẹ hai bên. Việc làm này có ý nghĩa trình báo với Thầy Tổ về việc hôn sự của đôi trẻ và sự kết tình thông gia của hai nhà trước sự chứng giám của ông Gánh.

Lễ chính trong hôn nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa là lễ cưới. Đoàn nhà trai tùy theo quy mô của lễ cưới mà đông hay ít, với thành phần chủ yếu là chú rể, ba mẹ, bà con thân thuộc trong dòng họ và bạn bè người quen của chú rể sẽ mang những mâm sính lễ được bày trí đẹp mắt và trang trọng sang nhà gái. “Nhà trai mang sang nhà gái các mâm phẩm vật gồm trầu cau, bánh ngọt, trái cây, trà rượu... với số lượng tùy vào điều kiện của từng nhà. Người có nhiều tiền thì đi 5 – 7

mâm, người có ít thì đi 3 – 4 mâm, nhưng một lễ vật quan trọng không thể thiếu vẫn là ba đôi đăng như trong lễ Đại Đăng khoa⁴. Vì quan trọng yếu tố lễ nên những phẩm vật không thể thiếu là trầu cau, trà rượu và khay lễ với ba đôi đèn. Về phía nhà gái, mọi thứ cũng được trang hoàng chuẩn bị chu đáo để đón tiếp nhà trai. Khi nhà trai đến, toàn bộ phẩm vật sinh lễ được nhà gái tiếp nhận và đặt lên hậu tợ của bàn thờ Cửu huyền hai bên nội ngoại. Mọi người đứng đối diện bàn thờ Phật trong gian nhà chính theo nguyên tắc là nhà trai đứng bên trái và nhà gái đứng bên phải. Ông Gánh sẽ là người đại diện đứng ra điều khiển nghi lễ. Ba đôi đèn lần lượt được thắp lên ba vị trí là bàn thờ Phật, bàn thờ Cửu huyền bên nội và bàn thờ Cửu huyền bên ngoại, như trong Lễ nói. Bài *Nguyện hương chú* được ông Gánh xướng lên và sui gia hai bên cùng nguyện theo. Kết thúc bài nguyện, ông Gánh nguyện thêm câu: “*Nguyện cầu cho chú rể tên (...) và cô dâu tên (...) nên duyên cầm sắt, kết tóc trăm năm, hạnh phúc trọn đời*” trước sự chứng kiến của người thân hai họ và quan khách hai bên. Sau đó, các cư sĩ đi cùng ông Gánh tụng kinh *Bát Dương* và kinh *Phổ Môn*. Cuối lễ, cô dâu chú rể quỳ lạy trước bàn thờ Phật và Cửu huyền, rồi lạy ông Gánh và những người lớn trong thân tộc, dòng họ. Thực hiện xong nghi thức ở nhà gái, nhà trai sẽ rước cô dâu về nhà mình với sự tham gia của đoàn đưa dâu. Khi về đến nhà trai, những nghi thức như bên nhà gái lại được tiến hành.

Trong lễ cưới truyền thống của người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thức ăn chiêu đãi khách và trang phục của người tham dự cũng rất đặc biệt, mang đậm màu sắc tôn giáo họ theo. Mâm cỗ được chiêu đãi khách tham dự chỉ là đồ dẻo, ngọt với các món ăn được chế biến từ cá và nguyên liệu thực phẩm khác không phải từ thịt động vật thuộc 12 con giáp. Do không sử dụng nguyên liệu làm từ thịt động vật nên phần lớn các món ăn được người tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ưa chuộng làm từ cá hay các loại thủy hải sản khác. Bên cạnh thức ăn mặn, chủ hôn luôn chuẩn bị những mâm thức ăn chay để cúng bàn Phật và chiêu đãi các vị chức sắc là cư sĩ và trưởng gánh vì họ là đối tượng Đạo quy định phải ăn chay. Về trang phục, áo dài là chủ yếu, xuất hiện từ cô dâu chú rể đến khách khứa tham dự. Chú rể bên cạnh áo dài màu đen

phải đội thêm trên đầu khăn đóng, còn cô dâu cũng mặc áo dài nhưng có thể chọn màu sáng hơn. Đối với quan khách tham dự mà là chức sắc thì bắt buộc phải mặc áo dài đen và đội thêm khăn đóng nếu là trưởng gánh.

Lễ cuối cùng trong hôn nhân của người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là lễ Phấn bái. Sau lễ cưới ba ngày, nhà trai dẫn cô dâu và chú rể về nhà gái thắp hương vái lạy trước bàn thờ Phật và bàn thờ Cửu huyền. Sau lễ này, việc hôn nhân xem như đã hoàn thành. Việc đôi bạn trẻ sau khi cưới chọn chỗ ở của mình là tùy vào điều kiện thực tế, có thể là sống bên nhà chồng, hoặc bên nhà vợ hoặc nơi ở riêng của họ.

2. Hôn nhân trong cộng đồng tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang hiện nay

Xã hội ngày càng tiến bộ, khoa học phát triển, cùng với xu thế hội nhập, cộng đồng người thuộc các quốc gia dân tộc khác nhau trở nên gần nhau hơn. Mọi người có nhiều cơ hội tiếp cận, giao lưu và học tập. Cho nên, đặc điểm hôn nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Tri Tôn, An Giang hiện nay đã có sự giao lưu tiếp biến và ngày càng gần hơn với hôn nhân hiện đại của người Việt nói chung. Những nghi thức trong hôn nhân truyền thống của cộng đồng tín đồ ở nơi đây không còn giữ được nét truyền thống, cũng như không còn mang nhiều màu sắc đặc trưng của tôn giáo này. Ngoại trừ chi tiết thắp ba đôi đèn lên ba vị trí trong nhà bắt buộc phải có trong lễ cưới hoặc lễ hỏi thì không có gì khác so với hôn nhân hiện đại. Nói như vậy để thấy được sự biến đổi quá lớn trong nghi thức hôn nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Rút ngắn thời gian, giản lược các bước lễ nghi, trọng yếu tố vật chất và chịu ảnh hưởng của xã hội hiện đại là những biểu hiện của sự thay đổi trong việc cưới hỏi của người Việt nói chung và của người Việt theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Tri Tôn nói riêng.

Trước đây, hôn nhân được xem là điều hệ trọng của cả hai họ nên việc xem tuổi của đôi trẻ cũng như xem tuổi của sui gia được coi trọng và tuân thủ thực hiện. Họ vừa lo cho hạnh phúc của đôi trẻ, vừa quan tâm đến vấn đề xung khắc giữa nàng dâu hoặc chàng rể đối với gia đình hai bên, nên việc này được thực hiện rất kỹ, không thể khinh

xuất. Không chỉ vậy, việc chọn ngày giờ tổ chức cưới hỏi cũng được thực hiện nghiêm túc. Họ rất tin vào những hệ lụy xấu do việc không chọn ngày và xem tuổi. Việc này luôn nhờ đến ông Gánh giúp đỡ và đặt niềm tin lớn, cũng như nghe theo sự chỉ dẫn của ông Gánh trong vấn đề hôn nhân. Họ cảm thấy vinh dự và tin tưởng khi được ông Gánh ra mặt làm người mai mối, ngõ ý đến một gia đình khác mà họ có ý định kết tình thông gia. Cho nên, từng có một thời kỳ, ông Gánh vừa đóng vai trò ông mai, vừa làm thầy xem tuổi, coi ngày, chọn giờ cho việc thực hiện các nghi lễ trong hôn nhân của tín đồ. Lời phán quyết của ông Gánh có tác dụng rất lớn cho việc đôi trẻ trở thành vợ chồng và gia đình hai bên trở thành sui gia. Nhưng hiện nay, việc mai mối không còn phổ biến, việc xem tuổi và chọn ngày tốt để cưới hỏi bị xem nhẹ. Trường hợp hôn nhân có tìm thầy xem tuổi và chọn ngày cưới hỏi không còn phổ biến trong cộng đồng tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Tri Tôn, An Giang. Không ít trường hợp, gia đình tự chọn những ngày họ cho là tốt như mùng 9, 19 âm lịch trong tháng để tổ chức hoặc giản tiện hơn là chọn đúng ngày cuối tuần đối với những gia đình có con em là cán bộ, viên chức, để bạn bè, khách khứa đến dự được đông đủ hơn. Lý giải cho sự biến đổi này, một vị trưởng Gánh cho biết: “Thanh niên bây giờ không thích việc mai mối mà muốn tự tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Khi đôi trẻ đã yêu nhau và quyết định cưới nhau, gia đình hai bên đồng tình ủng hộ thì không thể căn cứ vào hợp tuổi hay không nữa”⁵. Đối với trường hợp phải mai mối, họ cũng không nhất thiết mời Trưởng Gánh ra mặt đại diện như trước. Thay vào đó, người được chọn làm đại diện là người có uy tín, biết cách ăn nói và có mối quan hệ nhất định với gia đình mà họ muốn cưới con gái cho con trai họ.

Bên cạnh việc xem tuổi, trước kia tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn có tình trạng xem họ. Nếu đôi trai gái có cùng họ thì không được lấy nhau. Nhưng bây giờ, việc cùng họ đã không còn quan trọng, cũng như không còn bị ràng buộc gắt gao. Chúng tôi nhận thấy sự thay đổi này là hợp lý và tiến bộ. Việc căn cứ trên cơ sở cùng họ để xác định khả năng có thể cùng huyết thống mà ngăn cấm kết hôn thì không thật thuyết phục. Vì những họ phổ biến của người Việt như Nguyễn, Trần, Lê, Lý... chiếm tỷ lệ rất cao trong cộng đồng. Chỉ cần tìm hiểu rõ

không có mối quan hệ huyết thống gần thì chuyện cưới xin vẫn diễn ra một cách bình thường.

Trước đây, việc nhỏ, việc lớn trong hôn nhân của tín đồ trong gánh đều ít nhiều liên quan đến ông Gánh. Có thể nói, ông Gánh gần như là người đồng hành cùng đôi trai gái và gia đình hai họ từ lúc ngõ lời cho đến lễ cưới được hoàn tất. Từ khâu giáp mặt đến việc xem tuổi, chọn ngày, trình báo trước Thầy Tổ và điều hành các nghi thức trong các nghi lễ cũng đều nhờ đến ông Gánh. Chính vì vậy, trong ngày cưới, thành phần tham dự không thể vắng mặt ông Gánh. Gia đình hai bên, cũng như đôi trai gái rất vinh dự khi được ông Gánh sắp xếp tham dự. Nhưng hôn nhân ngày nay đã thay đổi, nên vai trò ông Gánh không còn như trước kia. Người ta cũng chẳng để ý đến việc ông Gánh có tham dự hay không. Tùy vào mối quan hệ giữa gia chủ với ông Gánh mà ông Gánh được mời đến dự lễ cưới hay không như bao người hàng xóm khác. Một vị Trưởng Gánh chia sẻ: “Nếu làm theo tôn chỉ hành đạo, có cúng vái, thì phải có mời ông Gánh. Còn gia đình người ta tổ chức theo như bây giờ thì muốn mời là mời, còn không mời cũng được, vì đó là quyền của chủ nhà. Vì đám cưới hồi đó khác, có cúng khai kinh, cúng vong họ, cúng rước dâu. Những cái này đặc biệt phải có ông Gánh, không có là không được. Còn bây giờ, người ta chế luôn khoản này rồi cho nên không mời ông Gánh nữa, chứ hồi đó phải mời à”⁶.

Ngoài những thay đổi nêu trên, trong lễ cưới của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ngày nay còn có những thay đổi khác. Hình ảnh chàng trai mang chiếc áo dài đen sẽ được mặc trong ngày trọng đại của mình, đến trước bàn thờ Cửu huyền trong nhà để trình báo không còn, mà thay vào là bộ veston sang trọng và lịch lãm. Việc cô dâu chú rể cùng cha mẹ hai bên mang khay lễ mời ông Gánh cùng đến Tam Bửu gia để trình trước bàn thờ Thầy Tổ về sự kiện quan trọng của đời mình cũng không còn. Điều này cho thấy sự thay đổi dần theo xu hướng lược bỏ đi các nghi thức, nghi lễ truyền thống, thay vào đó là hơi hướng của thời đại. “Cái đó là trước kia. Còn giờ thì chế rồi. Chú rể không mặc áo dài đen nữa, toàn áo “vét” không rồi. Chứ thời tụi tui là áo dài đen mà còn khăn đóng nữa”⁷.

Với mục đích thực hiện đơn giản, tránh rườm rà, phù hợp với xã hội hiện đại, hôn nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa từ sáu lễ chỉ còn hai lễ và thậm chí là một lễ. Hôn nhân bây giờ được diễn ra chủ yếu với lễ hỏi và lễ cưới. Những lễ như Giáp lời, Nạp tế, Phụ ngọ đều được giản lược hoặc có thực hiện cũng chỉ làm đơn giản và gộp chung với lễ nói hoặc gặp mặt. Càng giản tiện hơn là sau khi hai bên đã gặp mặt trao đổi và đồng thuận mọi thứ thì việc cưới hỏi chỉ diễn ra với lễ cưới là đủ. Trong trường hợp còn giữ lễ nói và lễ cưới thì khoảng cách giữa hai lễ này là không xa nhau, chỉ một tháng hoặc dài hơn là khoảng vài ba tháng. Điều này khác với trước kia, thời gian từ lễ nói đến lễ cưới kéo dài gần cả năm, thậm chí dài hơn.

Ngày nay, đến dự lễ cưới của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, chúng ta sẽ thấy có nhiều thay đổi. Lễ cưới nhộn nhịp với nhạc sống và ca hát giao lưu, không còn tiếng chuông mõ và tụng kinh như trước. Cô dâu và chú rể chỉ thực hiện nghi thức vái lạy trước bàn thờ Phật và bàn thờ Cửu huyền theo sự điều khiển nghi thức của người đại diện. Sau đó, họ mời rượu cha mẹ hai bên và đón nhận những lời chúc phúc, cũng như tiền mừng từ họ hàng thân thuộc mà không phải vái lạy nhiều như trước. Cô dâu chú rể trong trang phục theo phong cách veston, đầm cưới thay cho chiếc áo dài đen, vui vẻ đến giao lưu chụp hình cùng quan khách. Về phía khách đến dự, trang phục của họ cũng không còn một màu đen của chiếc áo dài đạo phục, mà quần này áo nọ theo sở thích và phong cách của mỗi người. Tuy nhiên, các tín đồ cao tuổi vẫn mặc áo dài đen khi dự lễ cưới.

Về thức ăn chiêu đãi khách trong lễ cưới, hiện nay cũng có nhiều điểm khác so với trước. Trước kia, thức ăn chiêu đãi khách đến dự là các món ăn chay hoặc mặn và nếu mặn thì chỉ có mỗi cá. Nhưng bây giờ, một lễ cưới của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa với thức ăn đầy đủ ba loại, gồm thức ăn chay, thức ăn mặn làm từ cá hoặc các loài thủy hải sản và thức ăn mặn làm từ thịt các loài động vật. Việc sát sinh các loài động vật để làm thức ăn chiêu đãi khách cũng trở nên thoáng hơn nhiều, trong khi trước kia là hoàn toàn bị cấm. Về vấn đề này, một gia chủ là tín đồ theo đạo sinh sống tại Ba Chúc chia sẻ: “Hồi đó, đám cưới đãi khách là chay hoặc mặn. Nếu mặn thì chỉ có cá thôi. Còn bây

giờ thì có cả chay, cá và thịt. Thịt để đãi khách không phải là người trong Đạo. Phải phân ra khu, bàn này là chay mà tôi biết chú ăn chay thì mời chú ngồi ở bàn chay. Còn chú ăn mặn mà trong đạo thì tôi mời đến bàn mặn làm từ cá, còn không theo đạo mà ăn mặn thì mời vào bàn thịt”⁸.

Nhìn chung, những dấu hiệu để nhận diện một lễ cưới của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa với màu áo dài đen, tiếng chuông mõ và kinh kệ tụng niệm, không gian trầm lắng mà ấm cúng, ba đôi đèn trên khay lễ... của ngày trước, nay không còn giữ được ngoại trừ ba đôi đèn. Tất cả đều thay đổi theo xu thế phát triển của xã hội mới, xã hội tân tiến với tốc độ nhanh, một xã hội không phù hợp cho những lễ nghi rườm rà tồn tại. Chúng tôi xin tổng hợp những biến đổi đó trong bảng so sánh sau:

STT	Hôn nhân truyền thống	Hôn nhân hiện đại
1	Ông Gánh giữ vai trò quan trọng trong hôn nhân của tín đồ.	Ông Gánh không còn giữ vai trò quan trọng trong hôn nhân của tín đồ.
2	Người mai mối cho việc cưới xin của đôi trai gái và để kết tình thông gia cho hai họ mặc định là ông Gánh.	Người mai mối không nhất thiết là ông Gánh.
3	Tín đồ quan trọng việc xem tuổi kết hôn và chọn ngày tổ chức lễ cưới hỏi. Việc này được ông Gánh quyết định.	Việc xem tuổi kết hôn và chọn ngày tổ chức lễ cưới hỏi bị xem nhẹ. Gia đình hai bên sẽ tự thỏa thuận và quyết định.
4	Trai gái cùng họ không được kết hôn với nhau cho dù không có quan hệ huyết thống.	Quy định này không còn thực hiện nữa nếu biết hai bên không có quan hệ huyết thống.
5	Hôn nhân được diễn ra gồm 6 lễ: Giáp lời, Đại đăng khoa, Nạp tế, Phụ ngõ, Tiểu đăng khoa, Phán bái.	Phần lớn hôn nhân được diễn ra với hai lễ chính là lễ nói và lễ cưới. Có trường hợp, lễ nói và cưới gộp thành một.
6	Trước ngày diễn ra lễ cưới, cô dâu chú rể và sui gia hai bên cùng ông Gánh đến Tam Bửu gia trình báo trước bàn thờ Thầy Tổ về việc cưới xin của đôi trẻ, cũng như việc kết tình thông gia giữa hai họ.	Nghi thức này không còn thực hiện trong nghi lễ hôn nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa.
7	Trong lễ cưới có nghi thức tụng kinh do ông Gánh phụ trách. Ông Gánh là người điều hành nghi thức trong hôn nhân và bắt buộc phải có ông Gánh dự.	Không còn nghi thức tụng kinh. Điều hành nghi thức trong hôn nhân do người lớn tuổi và có đủ các tiêu chuẩn trong dòng tộc phụ trách. Cho nên, không nhất thiết phải có ông Gánh dự.

8	Trong lễ cưới, chú rể mặc trang phục áo dài đen, cô dâu mặc áo dài với màu sắc khác nhau tùy sở thích.	Trong lễ cưới, âu phục được sử dụng phổ biến với veston cho chú rể và đầm cho cô dâu.
9	Khách là tín đồ đến dự phải mặc đạo phục là áo dài đen.	Không bắt buộc tín đồ đến dự phải mặc đạo phục. Trang phục tùy theo sở thích của từng người.
10	Thức ăn được chiêu đãi trong ngày cưới là chay hoặc mặn (chỉ có cá).	Đủ các loại thực phẩm chay, mặn (mặn gồm thủy hải sản, thịt các loài động vật).

Kết luận

Hôn nhân là một trong những hoạt động nghi lễ tại gia của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa phản ánh nhiều nét mang màu sắc tôn giáo. Chú rể mặc áo dài đen, Cư sĩ và ông Gánh gõ mõ tụng kinh trong lễ cưới, việc trình trước bàn thờ Thầy Tổ tại Tam Bửu gia trong lễ Phụ ngọ, vai trò ông Gánh được đề cao trong hôn nhân, thức ăn chiêu đãi, ngày giờ tổ chức,... là những yếu tố rất đặc trưng cho hôn nhân truyền thống của người Việt theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, qua thời gian dưới sự tác động của xã hội hiện đại và sự thích ứng của chủ thể mà đặc điểm hôn nhân của tín đồ theo đạo đã có nhiều thay đổi và giảm dần sự ảnh hưởng của tôn giáo. Lục lễ truyền thống được rút gọn thành một hoặc hai lễ cho giản tiện.

Một cuộc hôn nhân được thực hiện bởi sự mai mối, đặt nặng việc xem tuổi tác, họ hàng, ngày giờ tổ chức đã không còn phổ biến. Thay vào đó là một lễ cưới hiện đại với việc trai gái tự do tìm hiểu trước hôn nhân, được tổ chức vào thời điểm thuận lợi nhất cho gia đình hai bên và khách khứa bạn bè tham dự. Không còn những nghi thức tôn giáo với tiếng chuông mõ và lời tụng niệm được thực hiện bởi cư sĩ, mà thay vào đó là không khí vui tươi, nhộn nhịp của tiếng nhạc, lời ca. Cô dâu chú rể xuất hiện trong âu phục với veston, đầm váy hết sức sang trọng và quý phái trước sự chúc tụng của mọi người thay cho màu đen của chiếc áo dài khăn đóng theo quy định. Rõ ràng, sự biến đổi này đã và đang diễn ra theo xu hướng chịu sự tác động của xã hội hiện đại. Người tín đồ theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không còn giữ lại những yếu tố truyền thống trong nghi lễ hôn nhân mà sẵn sàng đón nhận yếu tố mới từ xã hội hiện đại mang lại./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Trích biên bản phỏng vấn: Trần V. N. Năm sinh: 1955. Giới tính: Nam. Quê quán: Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, là Tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa
- 2 Trích biên bản phỏng vấn: Phạm V. A. Năm sinh: 1976. Giới tính: Nam. Quê quán: Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, là Cư sĩ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa
- 3 Trích biên bản phỏng vấn: Nguyễn V. N. Năm sinh: 1960. Giới tính: Nam. Quê quán: Xã Lê Trì, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, là Cư sĩ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa
- 4 Trích biên bản phỏng vấn: Ngô V. N. Năm sinh: 1934. Giới tính: Nam. Quê quán: Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, là Ông Gánh đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa
- 5 Trích biên bản phỏng vấn: Ngô V. N. Năm sinh: 1934. Giới tính: Nam. Quê quán: Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, là Ông Gánh đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa
- 6 Trích biên bản phỏng vấn: Ngô V. N. Năm sinh: 1934. Giới tính: Nam. Quê quán: Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, là Ông Gánh đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa
- 7 Trích biên bản phỏng vấn: Bùi V. Đ. Năm sinh: 1974. Giới tính: Nam. Quê quán: Xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, là Cư sĩ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa
- 8 Trích biên bản phỏng vấn: Trần V. N. Năm sinh: 1955. Giới tính: Nam. Quê quán: Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, là tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Tân Dân (1971), *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*, Tủ sách sưu khảo tư liệu Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.
2. Mai Thanh Hải (2008), “Các “đạo” của nông dân châu thổ sông Cửu Long từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến đạo Lành và đạo Ông Nhà Lớn”, *Nghiên cứu tôn giáo*, (1), tr. 65-71.
3. Đinh Văn Hạnh (1999), *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt ở Nam Bộ (1867-1975)*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Đặng Văn Tuấn (2012), *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và ảnh hưởng của nó đối với cộng đồng người Việt ở Nam bộ hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
5. Hội đoàn Tứ Ân Hiếu Nghĩa (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, lần thứ II, nhiệm kỳ 2015 – 2020*, An Giang.
6. *Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hiếu Nghĩa pháp môn* (Lưu hành nội bộ), An Giang.

7. Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
8. Nguyễn Phong Vũ (2015), *Đời sống tôn giáo của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở An Giang hiện nay*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh.

Abstract

TRADITIONAL AND MODERN MARRIAGE CHARACTERISTICS OF TỨ ÂN HIẾU NGHĨA BELIEVERS IN TRI TÔN DISTRICT, AN GIANG PROVINCE

Nguyen Phong Vu

An Giang University, VNU-Ho Chi Minh City

The important ceremonies of each person are marriage, coming of age, funeral, and death anniversary. Followers of Tứ Ân Hiếu Nghĩa in Tri Tôn district, An Giang province have rituals associated with their religion, which are most evident in marriage and funeral ceremonies. For the Vietnamese followers of Tứ Ân Hiếu Nghĩa religion, marriage is not only the ceremony of two people, two families, but it also expresses the meaning of the religion they are following. The marriage of Tứ Ân Hiếu Nghĩa followers (with religious factors) has distinct characteristics along with the traditional Vietnamese marriage characteristics. It is completely easy to recognize a traditional wedding ceremony of Tứ Ân Hiếu Nghĩa followers by the black dresses (Áo dài) of participants, the chanting of blessings, fish, and plants served at the wedding party. Over time, the traditional characteristics of the marriage of the Vietnamese followers have disappeared, it gradually changed to integrate with the general trend. This article point out the characteristics of Tứ Ân Hiếu Nghĩa believers' marriage in the past and at present.

Keywords: Marriage; Tứ Ân Hiếu Nghĩa; Tri Tôn; An Giang.